

Số: 07TH – 2025

V/v kê khai giá hàng hóa

Nha Trang, ngày 01 tháng 07 năm 2025

Kính gửi: Sở Tài Chính Khánh Hòa .

Thực hiện Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/04/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật giá và Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thanh Hải gửi biểu mẫu đăng ký giá Gas gồm các văn bản và nội dung sau:

1. Bảng kê khai mức giá.
2. Bảng giải trình lý do điều chỉnh giá bán hàng hóa, dịch vụ.

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày **01/07/2025** .

Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thanh Hải xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Thị Thanh Hải

- Họ tên người nộp Biểu mẫu : NGÔ THỊ CẨM LINH
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai: 16B Hồng Lĩnh – Phường Nha Trang. T.Khánh Hòa
- Số điện thoại liên lạc : 0258.3877.737
- Email : thanhhailpg@gmail.com

**Ghi nhận ngày nộp Văn bản kê khai giá
của cơ quan tiếp nhận**

Nha Trang, ngày 01 tháng 07 năm 2025

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số 08 ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Công ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Doanh nghiệp là đơn vị kinh doanh hàng hóa và dịch vụ

Mức giá kê khai bán buôn dành cho đại lý cụ thể như sau:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành (ĐVT: đồng)	Mức giá kê khai mới (ĐVT: đồng)	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ % tăng/giảm
1	Hơi gas bình 12kg Origin/Phoenix	Bình 12kg	Bình	325,000	314,000	(11,000)	-3.5
2	Hơi gas bình 45kg Origin/Phoenix	Bình 45kg	Bình	1,218,750	1,177,500	(41,250)	-3.5
3	Hơi gas bình 12kg Petrolimex	Bình 12kg	Bình	380,000	371,000	(9,000)	-2.4
4	Hơi gas bình 48kg Petrolimex	Bình 48kg	Bình	1,520,000	1,484,000	(36,000)	-2.4
5	Hơi gas bình 12kg H - gas	Bình 12kg	Bình	305,000	293,000	(12,000)	-4.1
6	Hơi gas bình 45kg H - gas	Bình 45kg	Bình	1,143,750	1,098,750	(45,000)	-4.1
7	Hơi gas bình 12kg PTVN	Bình 12kg	Bình	325,000	314,000	(11,000)	-3.5
8	Hơi gas bình 20kg PTVN	Bình 20kg	Bình	542,000	524,000	(18,000)	-3.4
9	Hơi gas bình 45kg PTVN	Bình 45kg	Bình	1,218,750	1,177,750	(41,000)	-3.5
10	Hơi gas bình 12kg An - gas	Bình 12kg	Bình	305,000	294,000	(11,000)	-3.7
11	Hơi gas bình 45kg An - gas	Bình 45kg	Bình	1,143,750	1,102,750	(41,000)	-3.7
12	Hơi gas bình 12kg dầu khí	Bình 12kg	Bình	325,000	314,000	(11,000)	-3.5
13	Hơi gas bình 20kg dầu khí	Bình 20kg	Bình	542,000	524,000	(18,000)	-3.4
14	Hơi gas bình 45kg dầu khí	Bình 45kg	Bình	1,218,750	1,177,750	(41,000)	-3.5
15	Hơi gas bình 12kg total	Bình 12kg	Bình	380,000	371,000	(9,000)	0.0
16	Hơi gas bình 6kg Elf - gas	Bình 6kg	Bình	197,000	193,000	(4,000)	0.0
17	Hơi gas bình 12,5kg Elf - gas	Bình 12.5kg	Bình	410,000	401,000	(9,000)	-2.2
18	Hơi gas bình 39kg Elf - gas	Bình 39kg	Bình	1,279,200	1,251,200	(28,000)	-2.2

* Mức giá trên đã bao gồm thuế VAT

* Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2025

Nha Trang, ngày 01 tháng 07 năm 2025

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số 08 ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Công ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Doanh nghiệp là đơn vị kinh doanh hàng hóa và dịch vụ

Mức giá kê khai bán lẻ dành cho người tiêu dùng cụ thể như sau:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành (ĐVT: đồng)	Mức giá kê khai mới (ĐVT: đồng)	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ % tăng/giảm
1	Hơi gas bình 12kg Origin/Phoenix	Bình 12kg	Bình	446,500	435,500	(11,000)	-2.5
2	Hơi gas bình 45kg Origin/Phoenix	Bình 45kg	Bình	1,675,155	1,633,905	(41,250)	-2.5
3	Hơi gas bình 12kg Petrolimex	Bình 12kg	Bình	435,000	426,000	(9,000)	-2.1
4	Hơi gas bình 48kg Petrolimex	Bình 48kg	Bình	1,740,000	1,704,000	(36,000)	-2.1
5	Hơi gas bình 12kg H-gas	Bình 12kg	Bình	395,000	383,000	(12,000)	-3.1
6	Hơi gas bình 45kg H-gas	Bình 45kg	Bình	1,481,250	1,436,250	(45,000)	-3.1
7	Hơi gas bình 12kg PTVN	Bình 12kg	Bình	470,500	459,500	(11,000)	-2.4
8	Hơi gas bình 20kg PTVN	Bình 20kg	Bình	784,050	766,050	(18,000)	-2.3
9	Hơi gas bình 45kg PTVN	Bình 45kg	Bình	1,764,500	1,723,500	(41,000)	-2.4
10	Hơi gas bình 12kg An - gas	Bình 12kg	Bình	395,000	384,000	(11,000)	-2.9
11	Hơi gas bình 45kg An - gas	Bình 45kg	Bình	1,481,250	1,440,250	(41,000)	-2.8
12	Hơi gas bình 12kg dầu khí	Bình 12kg	Bình	446,500	435,500	(11,000)	-2.5
13	Hơi gas bình 20kg dầu khí	Bình 20kg	Bình	744,010	726,010	(18,000)	-2.5
14	Hơi gas bình 45kg dầu khí	Bình 45kg	Bình	1,674,350	1,633,350	(41,000)	-2.5
15	Hơi gas bình 12kg total	Bình 12kg	Bình	440,000	431,000	(9,000)	0.0
16	Hơi gas bình 6kg Elf - gas	Bình 6kg	Bình	225,000	221,000	(4,000)	0.0
17	Hơi gas bình 12,5kg Elf - gas	Bình 12.5kg	Bình	468,062	459,062	(9,000)	-2.0
18	Hơi gas bình 39kg Elf - gas	Bình 39kg	Bình	1,419,000	1,391,000	(28,000)	-2.0

* Mức giá trên đã bao gồm thuế VAT

* Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2025

Nha Trang, ngày 01 tháng 07 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Origin/Phoenix Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	287,528	277,528	-3.6
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	287,528	277,528	-3.6
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	1,714	1,714	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	294,242	284,242	-3.5
4	Lợi nhuận dự kiến	1,213	1,213	
	Giá bán chưa thuế	295,455	285,455	-3.5
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	29,545	28,545	-3.5
	Giá bán (đã có thuế)	325,000	314,000	-3.5

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 07 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Origin/Phoenix Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 45kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	1,084,883	1,047,383	-3.6
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	1,084,883	1,047,383	-3.6
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	15,210	15,210	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	1,105,093	1,067,593	-3.5
4	Lợi nhuận dự kiến	2,862	2,862	
	Giá bán chưa thuế	1,107,955	1,070,455	-3.5
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	110,795	107,045	-3.5
	Giá bán (đã có thuế)	1,218,750	1,177,500	-3.5

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 07 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Petrolimex Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	337,528	329,346	-2.5
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	337,528	329,346	-2.5
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	1,714	1,714	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	344,242	336,060	-2.4
4	Lợi nhuận dự kiến	1,213	1,213	
	Giá bán chưa thuế	345,455	337,273	-2.4
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	34,545	33,727	-2.4
	Giá bán (đã có thuế)	380,000	371,000	-2.4

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 07 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Petrolimex Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 48kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	1,356,475	1,323,748	-2.5
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	1,356,475	1,323,748	-2.5
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	16,224	16,224	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	1,377,699	1,344,972	-2.4
4	Lợi nhuận dự kiến	4,119	4,119	
	Giá bán chưa thuế	1,381,818	1,349,091	-2.4
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	138,182	134,909	-2.4
	Giá bán (đã có thuế)	1,520,000	1,484,000	-2.4

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 07 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : H-Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	269,346	258,437	-4.2
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	269,346	258,437	-4.2
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	1,714	1,714	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	276,060	265,151	-4.1
4	Lợi nhuận dự kiến	1,213	1,213	
	Giá bán chưa thuế	277,273	266,364	-4.1
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	27,727	26,636	-4.1
	Giá bán (đã có thuế)	305,000	293,000	-4.1

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 07 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : H-Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 45kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	1,016,701	975,792	-4.2
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	1,016,701	975,792	-4.2
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	15,210	15,210	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	1,036,911	996,002	-4.1
4	Lợi nhuận dự kiến	2,862	2,862	
	Giá bán chưa thuế	1,039,773	998,864	-4.1
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	103,977	99,886	-4.1
	Giá bán (đã có thuế)	1,143,750	1,098,750	-4.1

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 07 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Petrovietnam
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	287,528	277,528	-3.6
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	287,528	277,528	-3.6
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	1,714	1,714	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	294,242	284,242	-3.5
4	Lợi nhuận dự kiến	1,213	1,213	
	Giá bán chưa thuế	295,455	285,455	-3.5
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	29,545	28,545	-3.5
	Giá bán (đã có thuế)	325,000	314,000	-3.5

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 07 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Petrovietnam
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 20kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	490,123	466,487	-5.1
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	490,123	466,487	-5.1
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	2,856	2,856	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	497,979	474,343	-5.0
4	Lợi nhuận dự kiến	2,021	2,021	
	Giá bán chưa thuế	500,000	476,364	-5.0
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	50,000	47,636	-5.0
	Giá bán (đã có thuế)	542,000	524,000	-3.4

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 07 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Petrovietnam
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 45kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	1,083,883	1,046,610	-3.6
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	1,083,883	1,046,610	-3.6
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	15,210	15,210	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	1,104,093	1,066,820	-3.5
4	Lợi nhuận dự kiến	3,862	3,862	
	Giá bán chưa thuế	1,107,955	1,070,682	-3.5
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	110,795	107,068	-3.5
	Giá bán (đã có thuế)	1,218,750	1,177,750	-3.5

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 07 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : An - Gas

Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải

Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	269,059	259,059	-3.9
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	269,059	259,059	-3.9
	Chi phí nhân công trực tiếp	-		
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	1,714	1,714	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	275,773	265,773	-3.8
4	Lợi nhuận dự kiến	1,500	1,500	
	Giá bán chưa thuế	277,273	267,273	-3.7
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	27,727	26,727	-3.7
	Giá bán (đã có thuế)	305,000	294,000	-3.7

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 07 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : An - Gas

Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải

Quy cách phẩm chất : Bình 45kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	1,015,701	978,428	-3.8
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	1,015,701	978,428	-3.8
	Chi phí nhân công trực tiếp	-		
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	15,210	15,210	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	1,035,911	998,638	-3.7
4	Lợi nhuận dự kiến	3,862	3,862	
	Giá bán chưa thuế	1,039,773	1,002,500	-3.7
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	103,977	100,250	-3.7
	Giá bán (đã có thuế)	1,143,750	1,102,750	-3.7

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 07 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Dầu khí
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	287,526	277,526	-3.6
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	287,526	277,526	-3.6
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	1,714	1,714	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	294,240	284,240	-3.5
4	Lợi nhuận dự kiến	1,215	1,215	
	Giá bán chưa thuế	295,455	285,455	-3.5
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	29,545	28,545	-3.5
	Giá bán (đã có thuế)	325,000	314,000	-3.5

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 07 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Dầu khí
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 20kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	482,850	466,487	-3.5
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	482,850	466,487	-3.5
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	2,856	2,856	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	490,706	474,343	-3.4
4	Lợi nhuận dự kiến	2,021	2,021	
	Giá bán chưa thuế	492,727	476,364	-3.4
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	49,273	47,636	-3.4
	Giá bán (đã có thuế)	542,000	524,000	-3.4

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 07 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Dầu khí
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 45kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	1,083,883	1,046,610	-3.6
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	1,083,883	1,046,610	-3.6
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	15,210	15,210	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	1,104,093	1,066,820	-3.5
4	Lợi nhuận dự kiến	3,862	3,862	
	Giá bán chưa thuế	1,107,955	1,070,682	-3.5
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	110,795	107,068	-3.5
	Giá bán (đã có thuế)	1,218,750	1,177,750	-3.5

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 07 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : TOTAL-gas

Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải

Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	337,526	329,344	-2.5
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	337,526	329,344	-2.5
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	1,714	1,714	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	344,240	336,058	-2.4
4	Lợi nhuận dự kiến	1,215	1,215	
	Giá bán chưa thuế	345,455	337,273	-2.4
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	34,545	33,727	-2.4
	Giá bán (đã có thuế)	380,000	371,000	-2.4

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 07 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : ELF

Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải

Quy cách phẩm chất : Bình 6kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	174,191	170,555	-2.1
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	174,191	170,555	-2.1
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	1,200	1,200	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2,500	2,500	
	Tổng giá thành toàn bộ	177,891	174,255	-2.1
4	Lợi nhuận dự kiến	1,200	1,200	
	Giá bán chưa thuế	179,091	175,455	-2.1
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	17,909	17,545	-2.1
	Giá bán (đã có thuế)	197,000	193,000	-2.1

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 07 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Elf - Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 12,5kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	363,313	355,131	-2.3
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	363,313	355,131	-2.3
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	2,714	2,714	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	371,027	362,845	-2.3
4	Lợi nhuận dự kiến	1,700	1,700	
	Giá bán chưa thuế	372,727	364,545	-2.2
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	37,273	36,455	-2.2
	Giá bán (đã có thuế)	410,000	401,000	-2.2

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 07 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Elf - Gas

Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải

Quy cách phẩm chất : Bình 39kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	1,153,495	1,128,041	-2.3
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	1,153,495	1,128,041	-2.3
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	2,714	2,714	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	1,161,209	1,135,755	-2.2
4	Lợi nhuận dự kiến	1,700	1,700	
	Giá bán chưa thuế	1,162,909	1,137,455	-2.2
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	116,291	113,745	-2.2
	Giá bán (đã có thuế)	1,279,200	1,251,200	-2.2

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 07 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Origin/Phoenix Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	347,015	337,015	-3.0
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	347,015	337,015	-3.0
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	44,169	44,169	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	396,184	386,184	-2.6
4	Lợi nhuận dự kiến	9,725	9,725	
	Giá bán chưa thuế	405,909	395,909	-2.5
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	40,591	39,591	-2.5
	Giá bán (đã có thuế)	446,500	435,500	-2.5

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 07 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Origin/Phoenix Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 45kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	1,375,250	1,337,750	-2.8
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	1,375,250	1,337,750	-2.8
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	131,115	131,115	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	1,511,365	1,473,865	-2.5
4	Lợi nhuận dự kiến	11,503	11,503	
	Giá bán chưa thuế	1,522,868	1,485,368	-2.5
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	152,287	148,537	-2.5
	Giá bán (đã có thuế)	1,675,155	1,633,905	-2.5

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 07 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Petrolimex Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	350,255	342,073	-2.4
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	350,255	342,073	-2.4
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	34,839	34,839	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	390,094	381,912	-2.1
4	Lợi nhuận dự kiến	5,361	5,361	
	Giá bán chưa thuế	395,455	387,273	-2.1
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	39,545	38,727	-2.1
	Giá bán (đã có thuế)	435,000	426,000	-2.1

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 07 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Petrolimex Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 48kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	1,424,694	1,391,967	-2.4
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	1,424,694	1,391,967	-2.4
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	139,855	139,855	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	1,569,549	1,536,822	-2.1
4	Lợi nhuận dự kiến	12,269	12,269	
	Giá bán chưa thuế	1,581,818	1,549,091	-2.1
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	158,182	154,909	-2.1
	Giá bán (đã có thuế)	1,740,000	1,704,000	-2.1

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 07 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : H Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	316,341	305,432	-3.6
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	316,341	305,432	-3.6
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	33,250	33,250	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	354,591	343,682	-3.2
4	Lợi nhuận dự kiến	4,500	4,500	
	Giá bán chưa thuế	359,091	348,182	-3.1
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	35,909	34,818	-3.1
	Giá bán (đã có thuế)	395,000	383,000	-3.1

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 07 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : H Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 45kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	1,198,973	1,158,064	-3.5
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	1,198,973	1,158,064	-3.5
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	131,115	131,115	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	1,335,088	1,294,179	-3.2
4	Lợi nhuận dự kiến	11,503	11,503	
	Giá bán chưa thuế	1,346,591	1,305,682	-3.1
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	134,659	130,568	-3.1
	Giá bán (đã có thuế)	1,481,250	1,436,250	-3.1

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 07 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Petrovietnam
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	368,833	358,833	-2.8
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	368,833	358,833	-2.8
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	44,169	44,169	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	418,002	408,002	-2.5
4	Lợi nhuận dự kiến	9,725	9,725	
	Giá bán chưa thuế	427,727	417,727	-2.4
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	42,773	41,773	-2.4
	Giá bán (đã có thuế)	470,500	459,500	-2.4

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 07 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Petrovietnam
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 20kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	637,199	620,835	-2.6
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	637,199	620,835	-2.6
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	58,273	58,273	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	700,472	684,108	-2.4
4	Lợi nhuận dự kiến	12,301	12,301	
	Giá bán chưa thuế	712,773	696,409	-2.3
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	71,277	69,641	-2.3
	Giá bán (đã có thuế)	784,050	766,050	-2.3

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 07 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Petrovietnam
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 45kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	1,453,473	1,416,200	-2.6
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	1,453,473	1,416,200	-2.6
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	131,115	131,115	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	1,589,588	1,552,315	-2.4
4	Lợi nhuận dự kiến	14,503	14,503	
	Giá bán chưa thuế	1,604,091	1,566,818	-2.4
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	160,409	156,682	-2.4
	Giá bán (đã có thuế)	1,764,500	1,723,500	-2.4

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 07 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : An - Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	303,197	293,197	-3.4
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	303,197	293,197	-3.4
	Chi phí nhân công trực tiếp			
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	44,169	44,169	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	352,366	342,366	-2.9
4	Lợi nhuận dự kiến	6,725	6,725	
	Giá bán chưa thuế	359,091	349,091	-2.9
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	35,909	34,909	-2.9
	Giá bán (đã có thuế)	395,000	384,000	-2.9

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 07 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : An - Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 45kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	1,195,973	1,158,700	-3.2
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	1,195,973	1,158,700	-3.2
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	131,115	131,115	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	1,332,088	1,294,815	-2.9
4	Lợi nhuận dự kiến	14,503	14,503	
	Giá bán chưa thuế	1,346,591	1,309,318	-2.8
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	134,659	130,932	-2.8
	Giá bán (đã có thuế)	1,481,250	1,440,250	-2.8

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 07 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Dầu khí
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	363,159	353,159	-2.8
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	363,159	353,159	-2.8
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	33,250	33,250	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	401,409	391,409	-2.6
4	Lợi nhuận dự kiến	4,500	4,500	
	Giá bán chưa thuế	405,909	395,909	-2.5
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	40,591	39,591	-2.5
	Giá bán (đã có thuế)	446,500	435,500	-2.5

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 07 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Dầu khí
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 20kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	608,457	592,093	-2.8
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	608,457	592,093	-2.8
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	55,416	55,416	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	668,873	652,509	-2.5
4	Lợi nhuận dự kiến	7,500	7,500	
	Giá bán chưa thuế	676,373	660,009	-2.5
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	67,637	66,001	-2.5
	Giá bán (đã có thuế)	744,010	726,010	-2.5

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 07 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Dầu khí
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 45kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	1,371,518	1,334,246	-2.8
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	1,371,518	1,334,246	-2.8
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	131,115	131,115	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	1,507,633	1,470,361	-2.5
4	Lợi nhuận dự kiến	14,503	14,503	
	Giá bán chưa thuế	1,522,136	1,484,864	-2.5
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	152,214	148,486	-2.5
	Giá bán (đã có thuế)	1,674,350	1,633,350	-2.5

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 07 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : TOTAL-gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	357,250	349,068	-2.3
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	357,250	349,068	-2.3
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	33,250	33,250	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	395,500	387,318	-2.1
4	Lợi nhuận dự kiến	4,500	4,500	
	Giá bán chưa thuế	400,000	391,818	-2.1
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	40,000	39,182	-2.1
	Giá bán (đã có thuế)	440,000	431,000	-2.1

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 07 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Elf gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 6kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	173,795	170,159	-2.1
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	173,795	170,159	-2.1
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	23,250	23,250	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3,500	3,500	
	Tổng giá thành toàn bộ	200,545	196,909	-1.8
4	Lợi nhuận dự kiến	4,000	4,000	
	Giá bán chưa thuế	204,545	200,909	-1.8
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	20,455	20,091	-1.8
	Giá bán (đã có thuế)	225,000	221,000	-1.8

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 07 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Elf Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 12,5kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	379,761	371,579	-2.2
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	379,761	371,579	-2.2
	Chi phí nhân công trực tiếp			
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	33,250	33,250	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	418,011	409,829	-2.0
4	Lợi nhuận dự kiến	7,500	7,500	
	Giá bán chưa thuế	425,511	417,329	-2.0
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	42,551	41,733	-2.0
	Giá bán (đã có thuế)	468,062	459,062	-2.0

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 07 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Elf Gas

Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải

Quy cách phẩm chất : Bình 39Kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	1,244,250	1,218,795	-2.1
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	1,244,250	1,218,795	-2.1
	Chi phí nhân công trực tiếp			
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	33,250	33,250	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	1,282,500	1,257,045	-2.0
4	Lợi nhuận dự kiến	7,500	7,500	
	Giá bán chưa thuế	1,290,000	1,264,545	-2.0
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	129,000	126,455	-2.0
	Giá bán (đã có thuế)	1,419,000	1,391,000	-2.0

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu